

UBND HUYỆN KIM THÀNH  
TRƯỜNG THCS CỎ DỪNG

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**Năm: 2024**

**I. THÔNG TIN CHUNG<sup>2</sup>**

- Tên cơ sở giáo dục : Trung học cơ sở Cỏ Dững
- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Giữa, xã Cỏ Dững, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương
- Cổng thông tin điện tử : kt-thescodung. haiduong.edu.vn
- Loại hình trường: Công lập
- Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục:

**1. Sứ mạng.**

- Tạo dựng được môi trường học tập thân thiện để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển tài năng và tư duy sáng tạo.

**2. Tầm nhìn.**

Là một trong những trường có chất lượng tốt đầu của huyện Kim Thành, là địa chỉ tin cậy cho học sinh lựa chọn để học tập và rèn luyện, nơi giáo viên và học sinh luôn có khát vọng nâng cao chất lượng, danh hiệu Tập thể lao động Tiên tiến

**3. Mục tiêu chiến lược.**

**3.1 Mục tiêu tổng quát.**

Tạo dựng được môi trường học tập có nề nếp, kỷ cương; có chất lượng giáo dục cao, để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển tài năng và tư duy sáng tạo. Nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, là mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của địa phương và đất nước.

**3.2. Mục tiêu cụ thể.**

- *Mục tiêu ngắn hạn:* Đến 2024, trường THCS Cỏ Dững tiếp tục là tốp đầu các trường THCS về chất lượng giáo dục, kết quả bồi dưỡng học sinh giỏi ổn định xếp thứ 3-7 trong huyện, chất lượng tham gia các cuộc thi của giáo viên; Tu sửa cơ sở vật chất ( mái các phòng học , nhà làm việc, nhà xe học sinh, Gv) từ nguồn kinh phí của huyện; Xây mới 4 phòng học nguồn kinh phí của huyện và tỉnh; Hoàn thành quy hoạch chi tiết nhà trường; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần còn lại của đất cấp thêm; xây nhà đa năm, mua sắm bàn ghế, hệ thống tủ giá phòng công nghệ..., Thư viện đạt mức độ 2, phần đầu trường được công nhận chuẩn quốc gia mức độ 2



- *Mục tiêu trung hạn:* Đến năm 2024 -2025, trường THCS Cổ Dũng tiếp tục đạt danh hiệu Tập thể LĐTT lượng giáo dục toàn diện và chất lượng bồi dưỡng học sinh giỏi mang tính ổn định; trường phấn đấu đạt Tập thể LĐXS

- *Mục tiêu dài hạn:* Đến năm 2030, Trường THCS Cổ Dũng phấn đấu đạt các mục tiêu sau: Chất lượng giáo dục tiếp tục được khẳng định. Thương hiệu nhà trường được nâng cao. Duy trì chất lượng thứ hạng cao của huyện. Duy trì trường chuẩn quốc gia mức độ 2, danh hiệu tập thể LĐTT, Phấn đấu trường đạt tập thể LĐ XS

- Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục:

Trường trung học cơ sở Cổ Dũng, tiền thân là trường cấp 2 Cổ Dũng, chính thức được thành lập từ năm học 1962, tại xã Cổ Dũng, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương. Đến năm 1977 trường sát nhập với trường cấp 1 và được đổi tên thành trường PTCS Cổ Dũng. Năm 1990 được tách ra từ trường PTCS và đổi tên thành trường THCS Cổ Dũng. Trường được xây dựng có tổng diện tích là 9.275m<sup>2</sup> với cơ sở vật chất khang trang hiện đại. Trải qua 62 năm xây dựng và trưởng thành trường THCS Cổ Dũng đã và đang vươn lên với một sức bật mạnh mẽ. Điều đáng nói là trường đã có sự chuyển biến mạnh về chất lượng giáo dục toàn diện và chất lượng học sinh thi vào THPT. Trường được công nhận trường chuẩn Quốc gia năm 2011, được công nhận lại năm 2016; đạt mức độ 1 trường chuẩn quốc gia năm 2021, kiểm định đạt cấp độ 2. Nhiều năm liền trường đạt danh hiệu Tập thể Lao động Tiên tiến và 01 năm đạt Tập thể Lao động xuất sắc; được chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện tặng giấy khen về hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ

- Thông tin người đại diện pháp luật:

Họ và tên : Nguyễn Thị Quế; Chức vụ: Hiệu trưởng; Số điện thoại 0963889567; địa chỉ thư điện tử: [huongquedat@gmail.com](mailto:huongquedat@gmail.com)

Nơi làm việc: Trường THCS Cổ Dũng, Kim Thành, Hải Dương

Tổ chức bộ máy:

Trường THCS Cổ Dũng - Huyện Kim Thành - Tỉnh Hải Dương được thành lập năm 1962. Nhà trường có nhiệm vụ giảng dạy học sinh là học sinh đại trà của địa phương

Trường THCS Cổ Dũng có Hội đồng trường được thành lập theo nhiệm kỳ 5 năm đảm bảo các quy định, cụ thể: . Nhiệm kỳ 2020-2025, Hội đồng trường được thành lập theo Quyết định số 71/PGD&ĐT-TCCB ngày 02/3/2020 của Phòng giáo dục và Đào tạo huyện Huyện Kim Thành về việc thành lập Hội đồng trường THCS Cổ Dũng; Hội đồng trường được kiện toàn mới nhất theo quyết định số 250/ PGDDĐT-TCCB ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Trưởng phòng giáo dục và Đào tạo huyện Kim Thành . Cơ cấu tổ chức của Hội đồng trường THCS Cổ Dũng nhiệm kì 2020-2025 gồm: 9 thành viên, trong đó có đại diện chi bộ Đảng, BGH nhà trường, Chủ tịch Công đoàn, Tổ trưởng tổ chuyên môn, tổ văn phòng, Bí thư chi Đoàn thanh niên, Tổng phụ trách Đội, đại diện chính quyền địa

phương, Ban đại diện CMHS và đại diện học sinh nhà trường. Hội đồng trường có Chủ tịch, thư ký và các thành viên

Năm học 2023-2024, trường THCS Cổ Dũng có 12 lớp, là trường hạng III. Trường được UBND huyện Kim Thành bổ nhiệm 01 Hiệu trưởng, 01 Phó Hiệu trưởng. Đồng chí Nguyễn Thị Quế được bổ nhiệm giữ chức vụ Hiệu trưởng theo Quyết định số 1283/QĐ-UBND ngày 09/8/2023. Đồng chí Nguyễn Hữu Huân được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng theo Quyết định số 1300/QĐ-UBND ngày 09/8/2023

Trường THCS Cổ Dũng có đủ cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định tại Điều lệ trường THCS: Có Hội đồng trường, Hội đồng thi đua khen thưởng, các tổ chuyên môn, tổ văn phòng; có các tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn TNCS HCM, Đội TNTP HCM và các Hội đồng tư vấn. Các tổ chức trên có thành phần, nhiệm vụ, hoạt động theo quy định của BGDĐT. Trường có đủ các khối lớp từ lớp 6 đến lớp 9 với 12 lớp (năm học 2023-2024).

Nhà trường có đủ các văn bản khác: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyên dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác

## **II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN<sup>3</sup>**

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý

a) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo;

Tổng số CBGVNV: 24, Trong đó CBQL : 02; Trình độ Đại học

Gv: 19; Đại học 19; trong đó : Toán 4; Ngữ văn 3; GDGD: 1; Lịch sử - Địa lý 2; Tiếng anh 2; KHTN: 3( Vật lý 1; Hóa 1; Sinh 1) ; Âm nhạc 1; Mĩ thuật 1; GDTC: 2

Nhân viên : 03; trong đó Đại học 2; CĐ 1 gồm Kế toán, Y tế, Thiết bị

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định

- CBQL đạt chuẩn Hiệu trưởng; Phó Hiệu trưởng: 02 xếp loại Tốt

- Gv đạt chuẩn 19/19; trong đó xếp loại Tốt 10; Khá 8; TB 0

c) Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định

Hàng năm CBQL, GV, NV tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng đầy đủ

Năm 2023: 01 Gv hoàn thành học chuyên ngành 2 Đại học Hóa; năm 2024: 01 Gv hoàn thành học chuyên ngành 2 Đại học Địa

## **III. CƠ SỞ VẬT CHẤT<sup>4</sup>**

Tổng diện tích khuôn viên là 9160m<sup>2</sup>. Trong khuôn viên nhà trường có khu sân chơi, bãi tập có tổng diện tích 4800 m<sup>2</sup> chiếm tỷ lệ 71.9% tổng diện tích toàn trường đảm bảo phục vụ tốt các hoạt động vui chơi, tập luyện thể dục thể thao và tổ chức các sự kiện lớn của nhà trường

Khối phòng học thường đều là KCCT: 7 phòng học đủ cho 2 ca, được trang bị bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, đủ bàn ghế của giáo viên, bảng chống lóa, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát

Khối phòng học bộ môn- KCCT: 10 phòng đủ theo quy định, gồm phòng KHTN: 02, KHXH: 02, Công nghệ: 1, Tin học: 1, Ngoại ngữ: 1, Âm nhạc: 1, Mĩ thuật: 1, phòng đa chức năng: 1; các phòng học bộ môn có đủ trang thiết bị theo quy định. Đảm bảo hoạt động thường xuyên có hiệu quả

Phòng đa năng đang hoàn thiện hồ sơ thẩm định và hồ sơ đấu thầu

Khối phòng phục vụ học tập -KCCT gồm: phòng thư viện: 120m<sup>2</sup> đạt tiêu chuẩn mức độ 2 năm 2024, phòng hoạt động Đoàn - Đội 20m<sup>2</sup>, phòng truyền thống và phòng hội đồng: 54m<sup>2</sup>

Khối phòng hành chính-quản trị-KCCT: Gồm 10 phòng, đủ các phòng làm việc và công trình vệ sinh phục vụ tốt cho hoạt động dạy học gồm 01 phòng Hiệu trưởng, 01 phòng Phó hiệu trưởng, 1 phòng Kế toán, 01 phòng Văn thư, 01 Công đoàn, 02 phòng tổ, 01 phòng Đoàn - Đội, 01 phòng Y tế, 01 phòng chờ; 1 phòng bảo vệ đáp ứng đáp ứng được yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính-quản trị của nhà trường

Khu vực để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên: 45m<sup>2</sup>; Học sinh 200m<sup>2</sup>

Khu vực nhà vệ sinh: Nhà trường có 4 nhà vệ sinh được bố trí hợp lý theo từng khu làm việc, học tập của giáo viên, nhân viên và học sinh. Khu nhà làm việc của CBGVNV gồm 2 nhà vệ sinh liền kề với nhà làm việc của Gv được bố trí ở tầng 1 và tầng 2; mỗi nhà có 2 phòng riêng biệt dành cho nam-nữ; nhà vệ sinh của học sinh có 2 nhà, diện tích 50 m<sup>2</sup>/ nhà, ở hai khu tách biệt với nhà lớp học, mỗi nhà có hai phòng riêng biệt dành cho nam và nữ đều là KCCT

Khu hạ tầng: Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh; Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường

Số thiết bị dạy học hiện có đảm bảo đủ tối thiểu

Nhà trường luôn chú trọng trang bị đầy đủ những thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập theo Thông tư số 19/2009/TT-BGDĐT ngày 11/8/2009 của Bộ trưởng BGDĐT ban hành danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Trung học cơ sở. Thông tư số 38/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ BGDĐT ban hành danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Trung học cơ sở

Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt:

TT	Tên sách (Tên bộ sách)	Tác giả (Ghi tắt cả tên tác giả của bộ sách)	Tổ chức, cá nhân	Ghi chú
1	Ngữ văn 9, Tập 1(Kết nối tri thức với cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu (đồng Chủ biên), Dương Tuấn Anh, Lê Trà My, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hải Phương, Nguyễn Thị Minh Thương.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
2	Ngữ văn 9, Tập 2(Kết nối tri thức với cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu (đồng Chủ biên), Dương Tuấn Anh, Lê Trà My, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hải Phương, Nguyễn Thị Minh Thương.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
3	Toán 9, Tập 1 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Cung Thế Anh, Nguyễn Huy Đoan (đồng Chủ biên), Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Doãn Minh Cường, Trần Phương Dung, Sĩ Đức Quang, Lưu Bá Thắng, Đặng Hùng Thắng.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
4	Toán 9, Tập 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Cung Thế Anh, Nguyễn Huy Đoan (đồng Chủ biên), Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Doãn Minh Cường, Trần Phương Dung, Sĩ Đức Quang, Lưu Bá Thắng, Đặng Hùng Thắng.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
5	Tiếng Anh 9 Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Lương Quỳnh Trang (Chủ biên),	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	

		Nguyễn Thị Chi, Lê Kim Dung, Nguyễn Thụy Phương Lan, Phan Chí Nghĩa, Trần Thị Hiếu Thủy.	
6	Lịch sử và Địa lí 9 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỹ (Tổng Chủ biên cấp THCS phần Lịch sử). Nguyễn Ngọc Cơ, Trịnh Đình Tùng (đồng Chủ biên phần Lịch sử), Hoàng Hải Hà, Nguyễn Thị Huyền Sâm, Hoàng Thanh Tú; Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên phần Địa lí). Nguyễn Trọng Đức, Lê Văn Hà, Nguyễn Tú Linh. Phạm Thị Trâm.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7	Khoa học tự nhiên 9 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Biên, Lê Trọng Huyền, Đinh Đoàn Long (đồng Chủ biên), Nguyễn Thu Hà, Tường Duy Hải. Nguyễn Thanh Hưng. Trần Văn Kiên, Đường Khánh Linh, Nguyễn Thị Hằng Nga, Vũ Công Nghĩa, Vũ Trọng Kỳ, Nguyễn Thị Thuần.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8	Giáo dục công dân 9 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thị Mai Phương (Chủ biên), Nguyễn Hà An, Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Thị Thọ.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
9	Tin học 9 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hà Đặng Cao Tùng (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Hải Châu, Hoàng Thị Mai.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

10	Âm nhạc 9 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hoàng Long (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Bùi Minh Hoa, Vũ Mai Lan, Trần Bảo Lân, Đặng Khánh Nhật, Nguyễn Thị Thanh Vân.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
11	Mỹ thuật 9 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Đình Gia Lê (Tổng Chủ biên), Đoàn Thị Mỹ Hương (Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trương Triều Dương.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
12	Giáo dục thể chất 9 (Cánh Diều)	Đình Quang Ngọc (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Đặng Hoài An, Đình Thị Mai Anh, Mai Thị Bích Ngọc, Nguyễn Văn Thành, Đình Khánh Thu.	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm)	
13	Hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp 9 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên); Trần Thị Thu (Chủ biên); Nguyễn Thanh Bình, Nguyễn Thu Hương, Nguyễn Thị Việt Nga, Lê Thị Thanh Thủy.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
14	Công nghệ 9 - Định hướng nghề nghiệp (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên); Phạm Mạnh Hà (Chủ biên), Nguyễn Xuân An, Nguyễn Thị Bích Thủy, Vũ Cẩm Tú.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
15	Công nghệ 9 - Mô đun Lắp đặt mạng điện trong nhà (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng ( Tổng chủ biên); Đặng Văn Nghĩa ( chủ biên); Vũ Thị Ngọc Thủy; Nguyễn Thanh Trinh; Phạm Khánh Tùng.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	

16	Công nghệ 9 - Mô đun Trồng cây ăn quả (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đông Huy Giới (Chủ biên), Bùi Thị Thu Hương, Đào Quang Nghị.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
17	Công nghệ 9 - Mô đun Chế biến thực phẩm (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Xuân Thành (Chủ biên), Đặng Bảo Ngọc, Nguyễn Thị Hồng Tiến	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	

#### IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC<sup>5</sup>

Năm 2024, nhà trường được UBND huyện giao xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2; kiểm định mức độ 3; Nhà trường có đầy đủ hệ thống hồ sơ, minh chứng theo quy định

Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm.

Trường được công nhận trường chuẩn Quốc gia năm 2011, được công nhận lại năm 2016, kiểm định đạt mức độ 3; đạt mức độ 1 trường chuẩn quốc gia năm 2021, kiểm định đạt cấp độ 2

Năm 2024, đề nghị trường chuẩn quốc gia mức độ 2; kiểm định đạt mức độ 3; Hiện tại đã gửi mã minh chứng và báo cáo lên dịch vụ công của tỉnh Hải Dương

#### V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC<sup>6</sup>

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học:

- Kế hoạch tuyển sinh của cơ sở giáo dục, trong đó thể hiện rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan;

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch tuyển sinh lớp 6 năm 2024-2025, tuyển sinh toàn bộ số học sinh của địa phương theo phương thức xét tuyển; Thời gian tuyển sinh theo công văn hướng dẫn của Phòng GD& Đào tạo

b) Kế hoạch giáo dục của cơ sở giáo dục: Nhà trường đã xây dựng kế hoạch giáo dục năm học 2023-2024, kế hoạch được Hội đồng trường phê duyệt và được PGD và Đào tạo Kim thành phê duyệt

c) Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh;



Nhà trường có Quy chế phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong việc giáo dục học sinh ; Quy chế được công khai trong hội đồng sư phạm nhà trường, trong các chi hội lớp, ban đại diện CMHS của nhà trường

Trong năm học 2023-2024, nhà trường cùng với Ban đại diện CMHS phối hợp tốt trong việc giáo dục ý thức tự học, tự rèn cho học sinh, làm tốt công tác tuyên truyền vì vậy không có học sinh bỏ học

Cùng với Ban đại diện CMHS làm tốt công tác vận động tài trợ để tu sửa, mua sắm nhỏ về CSVC, trang thiết bị dạy học ; Tổng số kinh phí năm học 2023-2024: 95,700,000đ ; phối hợp với phụ huynh may áo đồng phục cho học sinh; phối hợp tổ chức tốt các hoạt động trải nghiệm cho hs: Ngày Tết quê em, Đêm hội trăng rằm, ngày hội STEM, Sáng tạo khoa học kỹ thuật...; Các chi hội làm tốt công tác thăm hỏi động viên học sinh ốm đau, hiếu

d) Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh ở cơ sở giáo dục;

Phối hợp với PGD Kim Thành đề nghị hỗ trợ vở viết cho 20 hs có hoàn cảnh khó khăn, hs nghèo; động viên học sinh nghèo, hs có hoàn cảnh khó khăn dịp tết nguyên đán 300.000đ/ hs ( 15 em); Phối hợp với Hội khuyến học, đoàn xã tặng quà cho hs có hoàn cảnh khó khăn học sinh nghèo 2 đợt( Tết nguyên đán và tổng kết cuối năm); Có 02 hs được nhận học bổng của Vingrup hàng năm của Hội chữ thập đỏ tỉnh Hải Dương 700.000đ/ tháng...

đ) Thực đơn hằng ngày của học sinh (nếu có): Không

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước

a) Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường:

Kết quả tuyển sinh năm học 2023-2024: 132 học sinh

Tổng số học sinh theo từng khối

Số lớp	Khối	Số hs	Hs nữ	Hs khuyết tật	Số hs chuyển đi, chuyển đến	Bình quân hs / lớp

3	6	134	65	1	3	44,7
3	7	132	66		1	44
3	8	119	55			39,6
3	9	125	57	2	1	41,7
<b>12</b>		<b>510</b>	<b>243</b>	<b>3</b>	<b>+4-1</b>	<b>42,5</b>

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp;

- Kết quả học tập, rèn luyện của học sinh

Về học tập

Khối	TSHS	Tốt- giỏi		Khá		Đạt -TB		CB- Yếu	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
6	134	38	28.36	64	47.76	31	23.13	1	0.75
7	132	22	16.67	74	56.06	35	26.52	1	0.76
8	119	27	22.69	66	55.46	26	21.85		
9	125	27	21.77	69	55.65	28	22.58		

Về rèn luyện/hạnh kiểm

Khối	TSHS	Tốt		Khá		Đạt -TB		CB- Yếu	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
6	134	105	78.36	24	17.91	5	3.73		
7	132	101	76.52	27	20.45	4	3.03		
8	119	92	77.31	24	20.17	3	2.52		
9	125	103	83.06	21	16.94				

Toàn trường: Tổng số 509 học sinh :

Rèn luyện Khối 6,7,8 : Tốt 298 = 58,55%; Khá 75= 14,73%; Đạt 12=2,36%

Hạnh kiểm khối 9 : Tốt 104 = 83,06%; Khá 21= 16,94%; TB 0

Học lực: Giỏi /Tốt 114= 22,40%; Khá: 273 =53,63%; TB/ đạt: 120 =23,58%; Yếu/  
CĐ 02=0,39%; Tỷ lệ lên lớp thẳng: 507/509 = 99,61%; 02 học sinh phải ôn tập, kiểm tra  
lại trong hè ; Xét lên lớp lưu ban lần 2 lên lớp 100%

c) Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng  
tốt nghiệp; số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với cấp  
trung học cơ sở và trung học phổ thông; số lượng học sinh trúng tuyển đại học đối với cấp  
trung học phổ thông.

Số lượng học sinh hoàn thành chương trình 509; Tốt nghiệp lớp 9: 126/126 đạt 100%(  
trong đó hs năm học 2023-2024: 124; năm trước 02)

Số học sinh trúng tuyển vào THPT năm học 2024-2025: 74 học sinh ; số học sinh học  
nghề 0, TTGD TX 37, dân lập 13

#### VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH<sup>7</sup>

STT	Nội dung	KP thường xuyên	KP không TX	Tổng cộng
I	Ngân sách	3,264,349,000	490,600,000	3,754,949,000
1	Kinh phí năm 2022 chuyển sang	0		0
2	Kinh phí đầu năm 2023	3,043,000,000	470,000,000	3,513,000,000
3	Kinh phí bổ sung	221,349,000	20,600,000	241,949,000
4	Kinh phí chuyển năm sau			0
II	<b>Phân thu từ học sinh</b>	<b>362,695,000</b>		<b>362,695,000</b>
1	<b>Học phí sử dụng trong năm</b>	424,905,500		424,905,500
	Dư đầu năm 2023	75,792,500		75,792,500
	Thu học phí năm 2023	362,695,000		362,695,000
	Mức thu: 85.000đ/tháng/hs			
	Số dư chuyển sang năm 2024	13,582,000		13,582,000

B. PHẦN CHI

STT	Nội dung	Kinh phí TX	KP không TX	Tổng cộng
<b>I</b>	<b>Chi ngân sách</b>	<b>3,264,349,000</b>	<b>490,600,000</b>	<b>3,754,949,000</b>
6000	Tiền lương	1,466,212,015		1,466,212,015
6100	Phụ cấp lương	896,258,450		896,258,450
6150	hỗ trợ khác	2,000,000		2,000,000
6200	Tiền thưởng	22,310,000		22,310,000
6250	Phúc lợi tập thể	28,800,000		28,800,000
6300	Các khoản đóng góp	403,322,498		403,322,498
6500	Thanh toán dịch vụ công cộng	38,252,741		38,252,741
6550	Vật tư văn phòng	14,560,000		14,560,000
6600	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	5,284,200		5,284,200
6650	Hội nghị			0
6700	Công tác phí	12,656,000		12,656,000
6750	Chi phí thuê mướn	110,790,000		110,790,000
6900	Sửa chữa, duy tu tài sản	13,595,000	470,000,000	483,595,000
6950	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	54,633,196		54,633,196
7000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	167,805,000		167,805,000
7750	Chi khác	27,869,900	20,600,000	48,469,900
<b>II</b>	<b>Chi học phí</b>	<b>823,164,166</b>	<b>0</b>	<b>823,164,166</b>
6000	Tiền lương	334,778,900		334,778,900
6100	Phụ cấp lương	301,876,000		301,876,000
6300	Các khoản đóng góp	46,352,300		46,352,300
6500	Thanh toán dịch vụ công cộng	12,591,866		12,591,866
6550	Vật tư văn phòng	7,149,600		7,149,600
6600	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	5,058,000		5,058,000
6700	Công tác phí	5,625,900		5,625,900
6900	Sửa chữa, duy tu tài sản	17,514,800		17,514,800
7000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn	53,785,000		53,785,000
7750	Chi khác	38,431,800		38,431,800

<b>C. CHÍNH SÁCH MIỄN GIẢM HỌC PHÍ, HỌC BỔNG, CPHT năm học 2022-2023</b>			
<b>1</b>	<b>Miễn giảm học phí</b>		
	Số học sinh được miễn giảm	Miễn: kì I 14, kì II 10. Giảm: kì I 13, kì II 18	
	Số tiền miễn giảm	20,600,000	20,600,000
<b>2</b>	<b>Học bổng + tiền đồ dùng học tập cho HS chính sách</b>		
	Số học sinh được học bổng		
	Số tiền chi trả	11,727,900	11,727,900
<b>3</b>	<b>Chi phí học tập</b>		
	Số học sinh được hưởng	kì I 11, kì II 12	
	Số tiền	15,450,000	15,450,000

#### **VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC<sup>8</sup>**

1. Các cuộc thi : Văn hóa: Cấp tỉnh đạt 01 giải KK; Cấp huyện đạt 14 giải: Trong đó Giải Nhất : 01 môn Địa; giải Nhì ( 2- 01 Toán, 01 văn) Giải Ba: 2 Toán; 9 giải KK

Thi điền kinh: cấp Quốc gia: đạt 02 huy chương vàng; cấp tỉnh đạt 01 huy chương vàng, 01 huy chương bạc; cấp huyện đạt 03 huy chương vàng; Cờ vua 5 huy chương(1 bạc; 4 đồng); đồng đội đạt giải Ba

Thi sáng tạo KHKT cấp huyện đạt giải Ba

2. Các cuộc thi khác: Cấp Tỉnh: Thi Tiếng anh trên INTERNET: đạt 8 em ; Trong đó Nhất 02; Nhì 0; Ba 2; KK 04); cấp huyện đạt 13 em, trong đó Nhất 4; Nhì 2; Ba 3; KK 4; Thi sản phẩm STEM cấp tỉnh : đạt 2 giấy khen ; cấp huyện : Thi đấu trường VIOEdu : đạt 10 em ; trong đó giải Vàng: 01; Đồng 09;

Giao lưu học sinh giỏi lớp 7: Lớp 7 đạt 7 em; Trong đó có 01 giải Nhì; 01 giải Ba; 5 giải KK); Lớp 8: Có 07 em được tham gia ôn tập vòng loại HSG cấp tỉnh

Sáng kiến được công nhận cấp huyện: 12; Gửi tham gia cấp tỉnh 01 đ/c Huân

3. Công tác trường chuẩn Quốc gia:

Tháng 2/2024, nhà trường được UBND huyện Kim Thành giao xây dựng trường chuẩn Quốc gia mức độ 2; Nhà trường làm tốt công tác tham mưu với địa phương về xây dựng CSVC trường học; tháng 7/2024 đã khởi công xây dựng 4 phòng học trị giá trên 4 tỷ đồng từ nguồn kinh phí của Tỉnh, Huyện;

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch, phân công các nhóm rà soát hồ sơ; tu sửa nhỏ; tháng 8/2024, nhà trường được huyện cấp kinh phí sửa chữa mái các phòng học thấm dột : 600,000 triệu đồng ; Tháng 8/2024 nhà trường đã hoàn thành báo cáo trường chuẩn gửi lên dịch vụ công của tỉnh

Địa phương đang hoàn thành hồ sơ trình thẩm định và đấu giá xây dựng nhà đa năng trị giá 4 tỷ đồng

4. Danh hiệu đạt được năm học 2023-2024: Tập thể Lao động Tiên Tiến; được UBND huyện tặng giấy khen

Cá nhân : Đề nghị tặng bằng khen của Bộ giáo dục về Giáo viên tiêu biểu của năm: 01; Bằng khen của Chủ tịch tỉnh 01; Giấy khen của huyện 02; CSTĐCS 04

  
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ  
(Ký tên, đóng dấu)  
CỔ DỮNG  
Nguyễn Thị Quế

TRÌNH HẢI D